

## Các tiêu chí tài chính trong đánh giá rủi ro về thuế

Chỉ tiêu	Công thức	Nội dung	Đánh giá	Nguồn dữ liệu
Tiêu chí 1: Tỷ lệ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	Lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần *100%	Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.	Các doanh nghiệp cùng ngành nghề có tỷ lệ càng cao thì hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao, rủi ro càng thấp.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
Tiêu chí 2: Tỷ lệ (lợi nhuận trước thuế + chi phí lãi vay)/ doanh thu thuần	(Lợi nhuận trước thuế + Chi phí lãi vay)/ Doanh thu thuần *100%	Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.	Các doanh nghiệp cùng ngành nghề có tỷ lệ càng cao thì hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao, rủi ro càng thấp	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
Tiêu chí 3: Tỷ lệ số Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong kỳ/ Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ / Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh*100%	Phản ánh trong kỳ doanh nghiệp có số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm so với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh,.	Tỷ lệ càng cao, rủi ro càng cao	Tờ khai quyết toán thuế TNDN
Tiêu chí 4: Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu *100%	Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.	Các doanh nghiệp cùng ngành nghề có tỷ lệ càng cao thì hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao, rủi ro càng thấp.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Bảng cân đối kế toán
Tiêu chí 5: Tỷ lệ giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần	Trị giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần *100%	Phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.	Trình độ quản lý càng cao tức tỷ lệ càng thấp thì rủi ro càng thấp.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
Tiêu chí 6: Tỷ lệ chi phí bán hàng/ doanh thu thuần	Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần *100%	Phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.	Trình độ quản lý càng cao tức tỷ lệ càng thấp thì rủi ro càng thấp.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
Tiêu chí 7: Tỷ lệ chi phí quản lý/ doanh thu thuần	Chi phí quản lý/ Doanh thu thuần *100%	Phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.	Trình độ quản lý càng cao tức tỷ lệ càng thấp thì rủi ro càng thấp.	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
Tiêu chí 8: Tỷ lệ Tổng dự phòng so với tổng chi phí sản xuất kinh doanh	Tổng dự phòng/ Tổng chi phí sản xuất kinh doanh *100%	Phản ánh tỷ lệ các khoản dự phòng được trích lập đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.	Tỷ lệ càng cao rủi ro càng cao: + Lớn hơn 10% -> Rủi ro cao + Từ 5% đến dưới 10% => Rủi ro vừa + Từ 1% đến dưới 5% => Rủi ro thấp + Từ dưới 1% => Rủi ro rất thấp	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh Bảng cân đối kế toán

<p>Tiêu chí 9: Tỷ lệ Tổng doanh thu GTGT hàng hoá dịch vụ bán ra so với Tổng doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ và Thu nhập khác</p>	<p>[Tổng doanh thu GTGT - (Tổng doanh thu thuần + Thu nhập khác)] / (Tổng doanh thu thuần + Thu nhập khác) * 100%</p>	<p>Phản ánh mối quan hệ giữa doanh thu GTGT của hàng hoá dịch vụ bán ra với Doanh thu tính thuế TNDN.</p>	<p>Tỷ lệ này biến động càng lớn thì rủi ro càng cao          + Lớn hơn 10% -&gt; Rủi ro cao          + Từ trên 5% đến 10% =&gt; Rủi ro vừa          + Từ trên 1% đến 5% =&gt; Rủi ro thấp          + Từ 1% trở xuống =&gt; Rủi ro rất thấp</p>	<p>+ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh          + Tờ khai 01/GTGT</p>
<p>Tiêu chí 10: Tỷ lệ hàng tồn kho so với doanh thu thuần</p>	<p>Hàng tồn kho/ Doanh thu thuần * 100%</p>	<p>Phản ánh tỷ lệ hàng tồn kho cuối kỳ so với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</p>	<p>Tiêu chí này dùng để so sánh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Tỷ lệ càng cao rủi ro càng cao.</p>	<p>Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh          Bảng cân đối kế toán</p>
<p>Tiêu chí 11: Hệ số khả năng thanh toán tổng quát</p>	<p>Tổng giá trị tài sản/ Tổng nợ phải thanh toán</p>	<p>Phản ánh khả năng thanh toán công nợ của Doanh nghiệp.</p>	<p>So sánh với bình quân ngành. Khả năng thanh toán càng cao rủi ro càng thấp</p>	<p>Bảng cân đối kế toán</p>
<p>Tiêu chí 12: Doanh nghiệp có quy mô kinh doanh bất hợp lý (doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cao gấp 05 lần so với vốn chủ sở hữu trở lên)</p>	<p>DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Vốn chủ sở hữu</p>	<p>Phản ánh việc sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu số vòng quay vốn.</p>	<p>Nếu số lần quay vòng vốn quá cao thể hiện sự bất hợp lý, khả năng rủi ro cao.          + Lớn hơn 10 -&gt; Rủi ro cao          + Từ 5 đến 10% =&gt; Rủi ro vừa          + Từ 3 đến dưới 5 =&gt; Rủi ro thấp          + Từ 3 trở xuống =&gt; Rủi ro rất thấp</p>	<p>Bảng cân đối kế toán</p>
<p>Tiêu chí 13: Số lỗ lũy kế trong vòng 3 năm gần nhất quá vốn chủ sở hữu nhưng tiếp tục đầu tư mở rộng kinh doanh</p>	<p>Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (3 năm gần nhất) - Vốn chủ sở hữu &lt;=0 và tổng giá trị tài sản năm sau - tổng giá trị tài sản năm trước &gt;0</p>	<p>So sánh lợi nhuận tuyệt đối trong vòng 3 năm gần nhất với vốn chủ sở hữu lớn hơn không nhưng tiếp tục có mở rộng đầu tư.</p>	<p>Rủi ro xác định doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá</p>	<p>Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh          Bảng cân đối kế toán</p>